

Bản án số: 294/2024/DS-ST
Ngày: 30/8/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S – THÀNH PHỐ H**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Phan Thị Hồng Hoa

2/ Bà Vũ Ngọc Lan

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thư ký
Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN S tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn
Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân QUẬN S xét xử sơ thẩm
công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 217/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm
2024 về việc: “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ
án ra xét xử số 198/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024 và quyết định
hoãn phiên tòa số 149/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2024 các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần S

Trụ sở: Lầu X số X đường N, Phường V, Quận V, Thành phố H

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Gia T, sinh năm 1971. (Văn bản ủy
quyền số 3181/2024/UQ-TGD ngày 10/5/2024) (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Dương Thị Thanh T, sinh năm: 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: số X đường Đ, Phường X, QUẬN S, Thành phố H;

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, phía nguyên đơn do ông Trần
Gia T – đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần S trình bày:*
Ngày 02/4/2011, bà Dương Thị Thanh T có ký với Ngân hàng TMCP S hợp đồng
sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và
bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.
Căn cứ thu nhập của bà Dương Thị Thanh T, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng số
970403 – 3433 hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá
nhân. Theo bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, hai bên
thỏa thuận tiền lãi phải trả theo lãi suất do Ngân hàng quyết định (theo Quyết định

về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ Sacombank phát hành tại Việt Nam số 96/2018/QĐ-TT ngày 11/01/2018 là 2,6%/tháng), thời hạn thanh toán là ngày 22 hàng tháng. Ngân hàng đã phát hành và gửi bà Dương Thị Thanh T thẻ tín dụng số 970403 – 3433.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Dương Thị Thanh T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền nợ gốc là 37.140.000 đồng và đã thanh toán 32.669.500 đồng (tiền gốc: 13.902.021 đồng; lãi, phí: 18.767.479 đồng), từ ngày 22/01/2020 bà T ngưng thanh toán cho đến nay. Do bà Dương Thị Thanh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Dương Thị Thanh T không có thiện chí trả nợ. Ngày 23/4/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà Dương Thị Thanh T, chuyển toàn bộ nợ dư còn thiếu là 23.237.979 đồng sang nợ quá hạn.

Nay, Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu bà Dương Thị Thanh T thanh toán tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 30/8/2024 là 71.300.498 đồng, trong đó nợ gốc: 23.237.979 đồng, lãi quá hạn: 48.062.519 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/9/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, trả ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Dương Thị Thanh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết tại Tòa án mặc dù đã được Tòa án niêm yết hợp lệ, bà cũng không có văn bản ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

Bị đơn bà Dương Thị Thanh T vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN S phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa bị đơn bà Dương Thị Thanh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ 2 nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng theo quy định pháp luật. Qua kiểm sát vụ án tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN S về việc chấp hành pháp luật tố tụng và nội dung của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]-Thẩm quyền loại việc:

Ngân hàng TMCP S khởi kiện bà Dương Thị Thanh T yêu cầu thanh toán tiền vay. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc tranh chấp dân sự: “Hợp đồng dân sự vay tài sản”.

[2]-Thẩm quyền lãnh thổ:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có đơn khởi kiện bà Dương Thị Thanh T có hộ khẩu thường trú tại số X đường Đ, Phường X, QUẬN S, Thành phố H. Theo xác minh của Công an phường 14, QUẬN S “nhân khẩu Dương Thị Thanh T có HKTT tại 38 Tân Hòa Đông, Phường 14, QUẬN S, Thành phố H nhà đã bán, hiện nay không thực tế cư trú tại địa phương, đi đâu không rõ”. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 và khoản 3 Điều 5 Nghị Quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân QUẬN S.

[3]-Thời hiệu khởi kiện vụ án:

Căn cứ vào thời điểm bà Dương Thị Thanh T ngừng thanh toán các khoản theo thỏa thuận cho Ngân hàng TMCP S bắt đầu vào ngày 22/01/2020. Ngày 22/5/2024 Ngân hàng TMCP S mới nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân QUẬN S là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 nhưng do bị đơn bà Dương Thị Thanh T không đến Tòa cũng không có văn bản đề nghị việc áp dụng thời hiệu để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật Dân sự nên Tòa án vẫn giải quyết theo thủ tục chung.

Về nội dung:

[1]- Ngày 02/4/2011, bà Dương Thị Thanh T có ký với Ngân hàng TMCP S hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân. Ngân hàng đã phát hành và giao thẻ cho bà Dương Thị Thanh T. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Dương Thị Thanh T đã thực hiện các giao dịch từ tháng 05/2012 đến tháng 01/2020 với tổng số tiền nợ gốc là 37.140.000 đồng, bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 32.669.500 đồng (tiền gốc: 13.902.021 đồng; lãi, phí: 18.767.479 đồng). Từ ngày 22/01/2020 đến nay bà T không thanh toán cho Ngân hàng nên từ ngày 23/04/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà T, chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 23.237.979 đồng sang nợ quá hạn.

Nay, Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu cá nhân bà Dương Thị Thanh T thanh toán tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 30/8/2024 là 71.300.498 đồng, trong đó nợ gốc: 23.237.979 đồng, lãi quá hạn: 48.062.519 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/9/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, trả ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 01/4/2011 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S và bà Dương Thị Thanh T, có chữ ký xác nhận của hai bên trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối hay cưỡng ép, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, phù hợp với quy định tại Điều 385 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Những sự kiện này, phía bị đơn không phản đối và không chứng minh nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh và không phản đối này.

Thực hiện hợp đồng sau khi được nhận thẻ tín dụng từ tháng 05/2012 đến tháng 01/2020 bà Dương Thị Thanh T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền

nợ gốc là 37.140.000 đồng, bà T chỉ trả được tiền nợ gốc: 13.902.021 đồng, lãi, phí: 18.767.479 đồng, dư nợ còn thiếu: 23.237.979 đồng. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên từ ngày 23/4/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Vì vậy Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà Dương Thị Thanh T phải có trách nhiệm thanh toán các khoản còn nợ tạm tính đến ngày 30/8/2024 với tổng số tiền là: 71.300.498 đồng, trong đó nợ gốc: 23.237.979 đồng, lãi quá hạn: 48.062.519 đồng, thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ và đúng quy định tại điều 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần được chấp nhận

[2]- Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Yêu cầu tính lãi chậm thanh toán phát sinh sau khi xét xử của nguyên đơn là phù hợp với quy định pháp luật tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định “Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015”, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Dương Thị Thanh T phải chịu 3.565.025 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 1.694.151 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 184, điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 149, các Điều 385, 429, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của HĐTP TAND tối cao; Nghị Quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Buộc bà Dương Thị Thanh T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 71.300.498 (bảy mươi một triệu ba trăm ngàn bốn trăm chín mươi tám) đồng, trong đó nợ gốc là 23.237.979 (hai mươi ba triệu hai trăm ba mươi bảy ngàn chín trăm bảy mươi chín) đồng, lãi quá hạn: 48.062.519 (bốn mươi tám triệu không trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm mười chín) đồng

Thời hạn thanh toán: Trả ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2/ Kể từ ngày tiếp theo của ngày 30/8/2024 bà Dương Thị Thanh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Các đương sự thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Dương Thị Thanh T phải chịu 3.565.025 đồng án phí dân sự sơ thẩm
- Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.694.151 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010006 ngày 04/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự QUẬN S.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố H ;
- Viện kiểm sát nhân dân QUẬN S;
- Chi Cục Thi hành án dân sự QUẬN S;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thu